

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC
NGÀNH ĐÀO TẠO: QUẢN LÝ ĐẤT ĐAI

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
TM94111 - ĐỊNH GIÁ ĐẤT (LAND VALUATION)

I. Thông tin về học phần

- Học kì: 4
- Tín chỉ: **Tổng số tín chỉ 3 (Lý thuyết: 2,0 – Thực hành: 1,0 – Tự học: 09)**
- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động học tập
 - + Học lý thuyết trên lớp: 20 tiết
 - + Làm bài tập trên lớp: 05 tiết
 - + Thuyết trình và thảo luận trên lớp: 05 tiết
 - + Thực hành trong phòng thực hành: 15 tiết
- Giờ tự học: 135 tiết (*theo kế hoạch cá nhân hoặc hướng dẫn của giảng viên*)
- Đơn vị phụ trách:
 - Bộ môn: Quản lý đất đai
 - Khoa: Tài nguyên và Môi trường
- Học phần thuộc khối kiến thức:

Đại cương ☐		Cơ sở ngành ☐		Chuyên sâu ☒	
Bắt buộc ☐	Tự chọn ☐	Bắt buộc ☐	Tự chọn ☐	Bắt buộc ☒	Tự chọn ☐

- Học phần học song hành: Không
- Học phần tiên quyết: Không
- Ngôn ngữ giảng dạy: tiếng Anh ☐ Tiếng Việt ☒

II. Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo và mục tiêu, kết quả học tập mong đợi của học phần

*** Các chuẩn đầu ra và chỉ báo của chương trình đào tạo mà học phần đóng góp:**

Chuẩn đầu ra Sau khi hoàn tất chương trình, sinh viên có thể:	Chỉ báo chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo
Kiến thức chung	
CĐR1: Áp dụng kiến thức khoa học tự nhiên, kinh tế - chính trị - xã hội, pháp luật, môi trường và sự hiểu biết về các vấn đề đương đại trong lĩnh vực quản lý đất đai.	1.2. Áp dụng kiến thức kinh tế - chính trị - xã hội, pháp luật trong lĩnh vực quản lý đất đai.
Kiến thức chuyên môn	
CĐR3: Phân tích công tác quản lý và sử dụng đất để phục vụ mục tiêu phát triển kinh tế xã hội;	3.1. Phân tích công tác quản lý nhà nước về đất đai theo luật đất đai để phục vụ mục tiêu phát triển kinh tế xã hội. 3.2: Phân tích công tác sử dụng đất phục vụ mục tiêu phát triển kinh tế xã hội.
Kỹ năng chung	

Chuẩn đầu ra Sau khi hoàn tất chương trình, sinh viên có thể:	Chỉ báo chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo
CDR5: Giao tiếp đa phương tiện, đa văn hóa, sử dụng hiệu quả công nghệ thông tin và ngoại ngữ trong lĩnh vực Quản lý đất đai;	5.1. Ứng xử phù hợp với các bên có liên quan trong môi trường làm việc chuyên nghiệp đa văn hóa, đa ngôn ngữ.
Kỹ năng chuyên môn	
CDR6: Sử dụng các nghiệp vụ hành chính để phục vụ hiệu quả các hoạt động chuyên môn thuộc ngành Quản lý đất đai.	6.2. Sử dụng hiệu quả các nghiệp vụ hành chính trong công tác đăng ký, thống kê đất đai, quy hoạch, tài chính đất đai, sử dụng nguồn tài nguyên đất, nước.
Năng lực tự chủ và trách nhiệm	
CDR7: Thích ứng làm việc độc lập hoặc làm việc nhóm, năng động, sáng tạo, có đạo đức nghề nghiệp, hướng dẫn, giám sát những người khác thực hiện nhiệm vụ và tự định hướng, đưa ra kết luận chuyên môn thuộc lĩnh vực quản lý đất đai.	7.2. Đưa ra kết luận chuyên môn và có thể bảo vệ được quan điểm cá nhân thuộc lĩnh vực Quản lý đất đai.
CDR8: Thể hiện ý thức học tập suốt đời và tinh thần khởi nghiệp.	8.1. Thể hiện thói quen tự học, tự nghiên cứu, nâng cao trình độ chuyên môn.

* **Mục tiêu:** Học phần nhằm cung cấp cho sinh viên

Về kiến thức: Áp dụng các kiến thức cơ bản về đất đai, thị trường đất đai, cơ sở khoa học xác định giá đất, bản chất của giá đất, đặc điểm của giá đất; các phương pháp xác định giá đất để xác định giá đất theo mục đích sử dụng đất.

Về kỹ năng: Thực hiện các phương pháp xác định giá đất để xác định giá đất theo mục đích sử dụng đất và xây dựng bảng giá đất tại địa phương;

Về năng lực tự chủ và trách nhiệm: Ý thức được việc học tập suốt đời; chủ động trong học tập, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm

* **Kết quả học tập mong đợi của học phần:**

Học phần đóng góp cho Chuẩn đầu ra sau đây của CTĐT theo mức độ sau:

I – Giới thiệu (Introduction); P – Thực hiện (Practice);

R – Củng cố (Reinforce); M – Đạt được (Master)

Mã HP	Tên HP	Mức độ đóng góp của học phần cho chỉ báo CDR của CTĐT						
		1.2	3.1	3.2	5.1	6.2	7.2	8.1
TM94111	Định giá đất	P	P	P	P	P	P	P

Ký hiệu	KQHTMD của học phần Hoàn thành học phần này, sinh viên thực hiện được	Chỉ báo chuẩn đầu ra của CTĐT (Ghi rõ nội dung chỉ báo mà học phần đóng góp)
Kiến thức		
K1	Nhận định được các kiến thức kinh tế - chính trị - xã hội, pháp luật trong lĩnh vực định giá đất.	1.2. Áp dụng kiến thức kinh tế - chính trị - xã hội, pháp luật trong lĩnh vực quản lý đất đai.

Ký hiệu	KQHTMD của học phần Hoàn thành học phần này, sinh viên thực hiện được	Chỉ báo chuẩn đầu ra của CTĐT (Ghi rõ nội dung chỉ báo mà học phần đóng góp)
K2	Nhận định được các hoạt động quản lý nhà nước và công tác sử dụng đất để phục vụ mục tiêu phát triển kinh tế xã hội có liên quan đến giá đất	3.1. Phân tích công tác quản lý nhà nước về đất đai theo luật đất đai để phục vụ mục tiêu phát triển kinh tế xã hội.
Kỹ năng		
K3	Thực hiện được hoạt động giao tiếp đa phương tiện, đa văn hóa, sử dụng thành thạo công nghệ thông tin và ngoại ngữ trong lĩnh vực định giá đất.	5.1. Ứng xử phù hợp với các bên có liên quan trong môi trường làm việc chuyên nghiệp đa văn hóa, đa ngôn ngữ.
K4	Thực hiện được các nghiệp vụ hành chính để phục vụ hiệu quả hoạt động chuyên môn định giá đất.	6.2. Sử dụng hiệu quả các nghiệp vụ hành chính trong công tác đăng ký, thống kê đất đai, quy hoạch, tài chính đất đai, sử dụng nguồn tài nguyên đất, nước.
Năng lực tự chủ và trách nhiệm		
K5	Làm rõ được kết luận chuyên môn và có thể bảo vệ được quan điểm cá nhân thuộc lĩnh vực định giá đất.	7.2. Đưa ra kết luận chuyên môn và có thể bảo vệ được quan điểm cá nhân thuộc lĩnh vực Quản lý đất đai.
K6	Luyện tập được thói quen tự học, tự nghiên cứu, nâng cao trình độ chuyên môn.	8.1. Thể hiện thói quen tự học, tự nghiên cứu, nâng cao trình độ chuyên môn.

III. Nội dung tóm tắt của học phần

TM94111 - Định giá đất (Land valuation) (03TC:02-01-09).

Học phần này gồm các nội dung: Đất đai và thị trường đất đai; Giá đất và cơ sở khoa học xác định giá đất; Định giá đất của một số nước trên thế giới; Nguyên tắc và phương pháp xác định giá đất; Định giá đất ở Việt Nam.

Học phần học trước: không

IV. Phương pháp giảng dạy và học tập

1. Phương pháp giảng dạy

- 1) Thuyết giảng trên lớp
- 2) Tổ chức thảo luận, thuyết trình theo nhóm
- 3) Giảng dạy thông qua thực hành
- 4) Giảng dạy trực tuyến: sử dụng phần mềm Microsoft Teams,...

2. Phương pháp học tập

- 1) Nghiên cứu đọc tài liệu ở nhà trước khi đến lớp
- 2) Nghe giảng trên lớp
- 3) Thảo luận tích cực trên lớp
- 4) Làm bài tập về nhà và viết thu hoạch
- 5) Chuẩn bị bài thuyết trình ở nhà để thuyết trình trước lớp
- 6) Làm việc theo nhóm trong phòng thực hành

7) Học trực tuyến: sử dụng phần mềm Microsoft Teams,...

V. Nhiệm vụ của sinh viên

- Chuyên cần: Tất cả sinh viên tham dự học phần này phải tham dự lớp học tối thiểu 75% số giờ lý thuyết.

- Chuẩn bị cho bài giảng: Tất cả sinh viên tham dự học phần này phải đọc tài liệu tham khảo và bài giảng trước khi tham gia tiết học

- Thuyết trình và Thảo luận: Tất cả sinh viên tham dự học phần này phải tham gia thảo luận các chủ điểm học tập tại tiết học, chia nhóm tham gia trả lời các câu hỏi nhanh sau mỗi bài giảng, tham gia chuẩn bị thuyết trình ở nhà và thuyết trình tại tiết học.

- Thực hành: Tất cả sinh viên tham dự học phần này phải tham dự tất cả các buổi thực hành, tiến hành các thí nghiệm theo nhóm 4 - 5 sinh viên. Có đủ bài thực hành theo nhóm.

- Thi cuối kì: Một bài thi.

VI. Đánh giá và cho điểm

1. Thang điểm: 10

2. Điểm trung bình của học phần là tổng điểm của các rubric nhân với trọng số tương ứng của từng rubric

3. Phương pháp đánh giá

Bảng 1: Kế hoạch đánh giá và trọng số

Hoạt động đánh giá	KQHTMD được đánh giá	Trọng số (%)	Thời gian/Tuần học
Đánh giá quá trình			
Tham dự lớp	K3, K6	10	1-10
Thảo luận nhóm	K1, K2, K3, K4, K5, K6	15	1-10
Đánh giá bài tập thực hành	K1, K2, K3, K4, K5	15	7-10
Đánh giá cuối kì			
Thi cuối môn học	K1, K2, K4, K5	60	Theo lịch HV

Bảng 2. Chỉ báo thực hiện các kết quả học tập mong đợi của học phần

KQHTMD	Chỉ báo thực hiện KQHTMD
K1	Chỉ báo 1: Nhận định được các kiến thức về đất đai, giá đất, các cơ sở khoa học, các phương pháp để xác định giá đất và các chính sách liên quan đến công tác định giá đất.
K2	Chỉ báo 2. Nhận định được các chính sách, hiện trạng và xu hướng thị trường có liên quan đến việc xác định giá đất.
K3	Chỉ báo 3. Thực hiện được hoạt động giao tiếp đa phương tiện, đa văn hóa, sử dụng thành thạo công nghệ thông tin và ngoại ngữ trong quá trình làm việc nhóm và thảo luận trên lớp.
K4	Chỉ báo 4. Thực hiện được các nghiệp vụ chuyên môn trong quá trình xác định giá các thửa đất được yêu cầu.
K5	Chỉ báo 5. Làm rõ được kết luận chuyên môn và có thể bảo vệ được quan điểm cá nhân thông qua thảo luận hoặc trình bày trong bài tập, bài kiểm tra.

Rubric 1: Tham dự lớp (10 đ)

Tiêu chí	Trọng số (%)	Tốt (8.5-10 điểm)	Khá (6.5-8.4 điểm)	Trung bình (4.0-6.4 điểm)	Kém Dưới 4.0 điểm
Thái độ tham dự	50	Tích cực tham gia	Tham gia	Chú ý	Không chú ý
Thời gian tham dự	50	Tham dự từ 85 -100 % số tiết lý thuyết	Tham dự từ 75 - 84% số tiết lý thuyết	Tham dự < 75% số tiết lý thuyết	

Rubric 2: Thảo luận nhóm

Tiêu chí	Trọng số (%)	Tốt 8.5 – 10 điểm	Khá 6.5 – 8.4 điểm	Trung bình 4.0 – 6.4 điểm	Kém 0 – 3.9 điểm
Kỹ năng thảo luận	50	Phân tích, đánh giá tốt	Phân tích, đánh giá khá tốt	Phân tích, đánh giá khi tốt, khi chưa tốt	Phân tích, đánh giá chưa tốt
Chất lượng đóng góp ý kiến	50	Sáng tạo, phù hợp	Phù hợp	Có khi phù hợp, có khi chưa phù hợp	Không phù hợp

Rubric 3: Đánh giá bài tập thực hành

Tiêu chí	Trọng số (%)	Tốt 8.5 – 10 điểm	Khá 6.5 – 8.4 điểm	Trung bình 4.0 – 6.4 điểm	Kém 0 – 3.9 điểm
Chất lượng bài thực hành	50	Kết quả thực hành đầy đủ và đáp ứng hoàn toàn các yêu cầu	Kết quả thực hành đầy đủ và đáp ứng khá tốt các yêu cầu, còn sai sót nhỏ	Kết quả thực hành đầy đủ và đáp ứng tương đối các yêu cầu, có 1 sai sót quan trọng	Kết quả thực hành không đầy đủ/Không đáp ứng yêu cầu
Hình thức bài thực hành	50	Đúng quy định của môn học	Điểm tùy theo mức độ đáp ứng		

Hình thức thi: thi vấn đáp/tự luận

4. Các yêu cầu, quy định đối với học phần

Tham dự thực hành: Không tham dự thực hành đủ 100% sẽ không được dự thi cuối kỳ và nhận điểm 0 chuyên cần. Phải nộp bài thực hành đúng thời gian quy định.

Tham dự thảo luận, thuyết trình: Không tham dự sẽ nhận điểm 0 điểm thảo luận nhóm và điểm tham dự lớp.

Tham dự lý thuyết: tối thiểu 75% số tiết lý thuyết của môn học

Yêu cầu về đạo đức: Có thái độ học tập nghiêm túc, tôn trọng thầy, cô, hợp tác, giúp đỡ bạn bè.

VII. Giáo trình/ tài liệu tham khảo*** Sách giáo trình/Bài giảng:**

Hồ Thị Lam Trà, Nguyễn Văn Quân (2006), Giáo trình Định giá đất, NXB Nông nghiệp.

*** Tài liệu tham khảo khác:**

+ Mai Văn Cầu, Tôn Gia Huyền, Nguyễn Đăng Huỳnh (2003) Lý luận và phương pháp định giá đất (Dịch từ tiếng Trung Quốc).

+ Nguyễn Thị Thu Hương (2019), Nghiên cứu các yếu tố ảnh hưởng đến giá trúng đấu giá quyền sử dụng đất ở trên địa bàn thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh, Đề tài nghiên cứu khoa học cấp Học viện.

+ Nguyễn Văn Quân (2019), Nghiên cứu thực trạng và đề xuất giải pháp tạo quỹ đất xây dựng kết cấu hạ tầng trên địa bàn tỉnh Hòa Bình, Đề tài nghiên cứu khoa học cấp tỉnh.

+ Tổng cục Quản lý đất đai (2015), Tài liệu chương trình bồi dưỡng về định giá đất.

+ Bùi Ngọc Toàn (2016), Nghiên cứu các yếu tố ảnh hưởng đến giá đất tại quận 12, thành phố Hồ Chí Minh. Tạp chí Khoa học và công nghệ ĐH Đà Nẵng.

+ Hồ Thị Lam Trà, Đoàn Ngọc Phương, Phạm Văn Thọ, Phan Thị Thanh Huyền, Bùi Nguyên Hạnh, Đỗ Tiến Nhuận (2016) Giá đất, tài chính đất đai cơ sở lý luận và thực tiễn, nhà xuất bản Nông nghiệp

+ Phạm Thế Trinh &Cs (2020), Một số yếu tố ảnh hưởng đến giá đất ở tại huyện Ứng Hòa, thành phố Hà Nội. Tạp chí khoa học và công nghệ lâm nghiệp.

+ Các tài liệu phát tay của giảng viên

*** Tài liệu tham khảo trực tuyến:**

Các văn bản pháp quy của Nhà nước, của các bộ ngành liên quan tại Website Cơ sở dữ liệu quốc gia về văn bản pháp luật (<https://vbpl.vn/Pages/portal.aspx>)

VIII. Nội dung chi tiết của học phần

Tuần	Nội dung	KQHTMD của học phần
1	Chương 1: Đất đai và thị trường đất đai	
	A/ Các nội dung chính trên lớp: 03 tiết Nội dung giảng dạy lý thuyết: (03 tiết) 1.1. Đất đai 1.1.1. Khái niệm đất đai 1.1.2. Đặc trưng đất đai 1.2. Thị trường đất đai 1.2.1. Khái niệm thị trường đất đai 1.2.2. Yếu tố cấu thành thị trường đất đai 1.2.3. Vai trò của thị trường đất đai 1.2.4. Các khu vực của thị trường đất đai	K1, K2, K5

Tuần	Nội dung	KQHTMD của học phần
	1.2.5. Các đặc trưng của thị trường đất đai B/ Các nội dung cần tự học ở nhà: (20 tiết) Giá đất và cơ sở khoa học xác định giá đất	K1, K2, K3, K6
2	Chương 2: Giá đất và cơ sở khoa học xác định giá đất	
	A/ Các nội dung chính trên lớp: 03 tiết Nội dung giảng dạy lý thuyết: (03 tiết) 2.1. Giá đất 2.1.1. Khái niệm giá đất 2.1.2. Các loại giá đất 2.1.3. Đặc trưng của giá đất 2.1.4. Các nhân tố ảnh hưởng đến giá đất 2.2. Cơ sở khoa học xác định giá đất 2.2.1. Địa tô 2.2.2. Lãi suất ngân hàng 2.2.3. Quan hệ cung cầu về đất đai	K1, K2, K3, K5, K6
	B/ Các nội dung cần tự học ở nhà: (60 tiết) Nguyên tắc và phương pháp định giá đất	K1, K2, K3, K6
3-7	Chương 3: Nguyên tắc và phương pháp định giá đất	
	A/ Các nội dung chính trên lớp: 16 tiết Nội dung giảng dạy lý thuyết: (08 tiết) 3.1. Khái niệm định giá đất 3.2. Nguyên tắc định giá đất 3.3. Thông tin trong định giá đất 3.4. Phương pháp xác định giá đất 3.4.1. Phương pháp so sánh 3.4.2. Phương pháp thu nhập 3.4.3. Phương pháp thặng dư 3.4.4. Phương pháp hệ số điều chỉnh giá đất Nội dung bài tập: (05 tiết) Vận dụng các phương pháp định giá đất Nội dung semina/thảo luận: (03 tiết)	K1, K2, K3, K4, K5, K6

Tuần	Nội dung	KQHTMD của học phần
	Ưu điểm, hạn chế, phạm vi áp dụng các phương pháp định giá đất hiện hành	
	B/ Các nội dung cần tự học ở nhà: (20 tiết) Định giá đất ở một số nước trên thế giới	K1, K2, K3, K6
8	Chương 4: Định giá đất ở một số nước trên thế giới	
	A/ Các nội dung chính trên lớp: 03 tiết Nội dung giảng dạy lý thuyết: (03 tiết) 4.1. Định giá đất tại Singapore 4.2. Định giá đất của Nhật bản 4.3. Định giá đất tại Trung Quốc 4.4. Định giá đất của Đức 4.5. Định giá đất của Australia	K1, K2, K3, K5, K6
	B/ Các nội dung cần tự học ở nhà: (20 tiết) Định giá đất ở Việt Nam	K1, K2, K3, K6
9-10	Chương 5: Định giá đất ở Việt Nam	
	A/ Các nội dung chính trên lớp: 05 tiết Nội dung giảng dạy lý thuyết: (03 tiết) 5.1. Khái quát công tác định giá đất ở Việt Nam 5.2. Hệ thống văn bản quy phạm pháp luật về công tác định giá đất 5.3. Nguyên tắc và phương pháp xác định giá đất 5.4. Bảng giá đất và giá đất cụ thể 5.5. Xây dựng, điều chỉnh bảng giá đất 5.6. Định giá đất cụ thể 5.7. Tư vấn xác định giá đất Nội dung semina/thảo luận: (2,0 tiết) Thực trạng công tác định giá đất tại Việt Nam (tiếp)	K1, K2, K3, K5, K6
	B/ Các nội dung cần tự học ở nhà: (20 tiết) Định giá đất ở Việt Nam	K1, K2, K3, K6
7-10	C/ Nội dung giảng dạy thực hành: (15 tiết) - Điều tra, thu thập thông tin xác định giá đất cụ thể - Xác định giá đất trong bảng giá đất - Xác định giá đất cụ thể bằng các phương pháp thông dụng	K1, K2, K3, K4, K5, K6

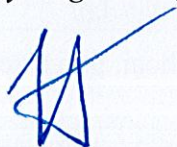
IX. Yêu cầu của giảng viên đối với học phần

- Phòng học, thực hành: Phòng học và phòng thực sạch sẽ, đủ sức chứa.

- Phương tiện phục vụ giảng dạy: Máy chiếu, phấn, bảng, bút chỉ, loa, mic
- E- learning: phần mềm dạy trực tuyến (MS Teams...), máy tính, hệ thống máy chủ và hạ tầng kết nối mạng Internet với băng thông đáp ứng nhu cầu người dùng, không để xảy ra nghẽn mạng hay quá tải. Phòng học trực tuyến đầy đủ ánh sáng, cách âm tốt, thông thoáng, ngăn nắp, gọn gàng, sạch sẽ.

P. TRƯỞNG BỘ MÔN

(Ký và ghi rõ họ tên)



TS. GVCC. ĐỖ THỊ ĐỨC HẠNH

**KT. TRƯỞNG KHOA
PHÓ TRƯỞNG KHOA**

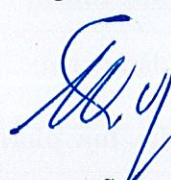


PGS.TS. TRẦN QUỐC VINH

Hà Nội, ngày.....tháng 6 năm 2024

GIẢNG VIÊN BIÊN SOẠN

(Ký và ghi rõ họ tên)



TS. GVC. NGUYỄN VĂN QUÂN



**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

GS.TS. PHẠM VĂN CƯỜNG

PHỤ LỤC

THÔNG TIN ĐỘI NGŨ GIẢNG VIÊN GIẢNG DẠY HỌC PHẦN

Giảng viên phụ trách học phần

Họ và tên: Nguyễn Văn Quân	Học hàm, học vị: Tiến sĩ, GVC
Địa chỉ cơ quan: Trâu Quỳ - Gia Lâm - Hà Nội	Điện thoại liên hệ: 0912815496
Email: nvquan@vnua.edu.vn	Trang web https://tnmt.vnua.edu.vn/bo-mon/quan-ly-dat-dai/
Cách liên lạc với giảng viên:	Email; điện thoại, gặp trực tiếp

Giảng viên giảng dạy học phần

Họ và tên: Bùi Nguyên Hạnh	Học hàm, học vị: Thạc sĩ, GVC
Địa chỉ cơ quan: Trâu Quỳ – Gia Lâm – Hà Nội	Điện thoại liên hệ: 0974817358
Email: bnhanh@vnua.edu.vn	Trang web https://tnmt.vnua.edu.vn/bo-mon/quan-ly-dat-dai/
Cách liên lạc với giảng viên:	Email; điện thoại, gặp trực tiếp

Họ và tên: Phan Thị Thanh Huyền	Học hàm, học vị: Phó giáo sư. Tiến sĩ
Địa chỉ cơ quan: Trâu Quỳ – Gia Lâm - Hà Nội	Điện thoại liên hệ: 0988083673
Email: Syhuyen@gmail.com	Trang web https://tnmt.vnua.edu.vn/bo-mon/quan-ly-dat-dai/
Cách liên lạc với giảng viên:	Email; điện thoại, gặp trực tiếp

Họ và tên: Bùi Lê Vinh	Học hàm, học vị: Tiến sĩ
Địa chỉ cơ quan: Trâu Quỳ – Gia Lâm – Hà Nội	Điện thoại liên hệ: 0989928671
Email: bui_le_vinh@yahoo.com	Trang web https://tnmt.vnua.edu.vn/bo-mon/quan-ly-dat-dai/
Cách liên lạc với giảng viên:	Email; điện thoại, gặp trực tiếp

Họ và tên: Nguyễn Văn Quân	Học hàm, học vị: Tiến sĩ, GVC
Địa chỉ cơ quan: Trâu Quỳ - Gia Lâm - Hà Nội	Điện thoại liên hệ: 0912815496
Email: nvquan@vnua.edu.vn	Trang web https://tnmt.vnua.edu.vn/bo-mon/quan-ly-dat-dai/
Cách liên lạc với giảng viên:	Email; điện thoại, gặp trực tiếp

CÁC LẦN CẢI TIẾN
(Đề cương được cải tiến hàng năm theo qui định của Học Viện)

Lần 3-5 (7/2020-7/2022):

Cập nhật nội dung học phần; phương pháp giảng dạy (kết hợp giảng dạy online), phương pháp đánh giá, tài liệu tham khảo.

Lần 6 (2023):

(1) Chính sửa CDR của học phần, mức đóng góp của học phần cho CDR của CTĐT. CTĐT ngành QLDD có 9 CDR, 1 chuyên ngành Quản lý đất đai.

(2) Cập nhật nội dung học phần; phương pháp giảng dạy, phương pháp đánh giá, tài liệu tham khảo.

Lần 7: 7/2024:

(1) Chính sửa CDR của học phần, mức đóng góp của học phần cho CDR của CTĐT.

(2) Cập nhật nội dung học phần.

